

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; ☒ Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Điều dưỡng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THỊ NHÃN

2. Ngày tháng năm sinh: 21/5/1987 ; Nam ☐ ; Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 2.13 Block A, chung cư Conic Riverside, KDC13B, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại di động: 0907307358 ; E-mail: nguyennhan@ump.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 01 năm 2010 đến nay: Giảng viên Bộ môn Hộ sinh, Khoa Điều dưỡng-Kỹ thuật Y học, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Tháng 5/2024 đến 05/2025: Phó trưởng Khoa, Khoa Điều dưỡng-Kỹ thuật Y học, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Tháng 6/2025 đến nay: Phó Hiệu trưởng trường Điều dưỡng-Kỹ thuật Y học kiêm nhiệm Trưởng Bộ môn Hộ sinh, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

Chức vụ hiện nay: Phó Hiệu Trưởng Trường Điều dưỡng-Kỹ thuật Y học, Trưởng Bộ môn Hộ sinh

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Điều dưỡng-Kỹ thuật Y học, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 02838553224

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng **ĐH** ngày 30 tháng 10 năm **2009**; số văn bằng: A263769; ngành: Điều dưỡng, chuyên ngành: Hộ sinh; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng **ThS** ngày 12 tháng 7 năm **2013**; số văn bằng: 013739/CNVB_ThS; ngành: Điều dưỡng; chuyên ngành: Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Burapha, Thái Lan

- Được cấp bằng **TS** ngày 26 tháng 11 năm **2019**; số văn bằng: 017563/CNVB_TS; ngành: Điều dưỡng; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Mahidol, Thái Lan.

- Được cấp bằng **TSKH** ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: **Y học**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Chăm sóc sức khỏe sinh sản và sức khỏe phụ nữ**: Hướng nghiên cứu này tập trung vào các vấn đề sức khỏe quan trọng đối với phụ nữ trong độ tuổi sinh sản, thai phụ và bà mẹ sau sinh. Các nghiên cứu đã góp phần cung cấp bằng chứng khoa học trong việc xây dựng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
chương trình giáo dục sức khỏe, nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sinh sản và thúc đẩy
hành vi chăm sóc sức khỏe tích cực ở phụ nữ.

- **Thực hành lâm sàng điều dưỡng hộ sinh và các can thiệp cải thiện chất lượng chăm sóc:** Các nghiên cứu trong hướng này nhằm mục tiêu đánh giá và cải tiến thực hành lâm sàng trong chăm sóc người bệnh, sản phụ và trẻ sơ sinh. Các khảo sát, can thiệp được nghiên cứu không chỉ có cơ sở khoa học mà còn tính ứng dụng cao, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và an toàn người bệnh.

- **Giáo dục điều dưỡng và phát triển năng lực người học:** Hướng nghiên cứu này xuất phát từ thực tiễn đào tạo nhân lực y tế, tập trung vào các nội dung như tư duy phản biện, động cơ học tập, cam kết nghề nghiệp, và đổi mới phương pháp giảng dạy. Các kết quả nghiên cứu đã hỗ trợ việc nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển toàn diện năng lực cho sinh viên khối ngành điều dưỡng.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 00 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 03 đề tài NCKH cấp cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 29 bài báo khoa học, trong đó **11 bài báo** khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín gồm 9 bài nghiên cứu gốc và 02 bài tổng quan, **là tác giả chính của 07 bài nghiên cứu gốc** đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 00 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 05, trong đó **05 sách** thuộc nhà xuất bản có uy tín, **chủ biên của 02 giáo trình**;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 00

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, bằng khen bộ trưởng, giấy khen hiệu trưởng, nhà giáo tiêu biểu cấp khoa năm 2023.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

1.1 Thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao

- Giảng dạy lý thuyết cho sinh viên năm thứ hai, năm thứ ba và năm thứ tư ngành Hộ sinh, điều dưỡng và học viên sau đại học đầy đủ, đúng giờ, không bỏ giờ giảng
- Hướng dẫn sinh viên đại học và các học viên thực hành lâm sàng tại Bệnh viện Từ Dũ, Bệnh viện Hùng Vương và Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
- Tham gia chấm luận văn thạc sĩ, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của Bộ môn Hộ sinh, Bộ môn Gây mê hồi sức, Bộ môn Điều dưỡng, Trường Điều dưỡng-Kỹ thuật Y học, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
- Tham gia sinh hoạt công đoàn, tạo điều kiện sinh hoạt gắn bó với các giảng viên của Bộ môn Hộ sinh và các giảng viên khác trong trường Điều dưỡng-Kỹ thuật Y học

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Tham gia vào xây dựng và chỉnh sửa chương trình đào tạo của các mã ngành do trường Điều dưỡng-Kỹ thuật Y học quản lý.

- Tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, báo cáo ở các hội nghị uy tín trong nước và quốc tế, xuất bản nhiều bài báo trên các tạp chí uy tín. Có tinh thần học tập nâng cao trình độ, tham gia các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo, tham gia giảng dạy trong các CME do trường/ bộ môn tổ chức. Tốt nghiệp lớp tập huấn phát triển giảng viên nâng cao do Viện khoa học sức khỏe EL Paso, trường Đại học Texas Tech, Mỹ cấp chứng nhận.

- Kiêm nhiệm chức vụ Phó Trưởng khoa/ Phó Hiệu trưởng, Trưởng Bộ môn Hộ sinh từ năm 2024 đến nay.

1.2 Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống

- Phẩm chất chính trị: Có phẩm chất chính trị vững vàng, đảng viên của Đảng cộng sản Việt Nam; có đạo đức, lối sống giản dị, mẫu mực; chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế làm việc của Trường, đơn vị và tại địa phương nơi cư trú;

- Đạo đức, lối sống: có lối sống trung thực, khiêm tốn, chân thành, trong sáng, giản dị; có tinh thần đoàn kết, xây dựng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

1.3. Tóm tắt ưu, khuyết điểm chính về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ: Nhiệt tình, năng động, làm việc có hiệu quả và có tinh thần trách nhiệm cao.

1.4. Tự phân loại theo mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ: Hoàn thành xuất sắc chức trách, nhiệm vụ.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 10 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016					301		301/336,8/270
2	2020-2021				2	317,4		317,4/447,3/270
3	2021-2022			2	2	281	39	320/556,5/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023			1	2	252	49	301/493/275
5	2023-2024				3	340,5	17,5	358/534,1/233,75
6	2024-2025			2	4	244,5	49	293,5/539,5/192,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☒; Tại nước: Thái Lan; Từ năm 2011 đến năm 2013 và từ năm 2017 đến năm 2019.

- Bảo vệ luận văn ☒ ThS và luận án TS ☒ hoặc TSKH; tại nước: Thái Lan năm 2013 (bảo vệ luận văn Thạc sĩ) và năm 2019 (bảo vệ luận án tiến sĩ)

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 6.0 do IDP cấp vào tháng 07/2015.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Huỳnh Ngọc Phương Quế		HVCH	X		6/2022 đến 9/2023	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	25/12/2023
2	Lê Thanh Trúc		HVCH	X		6/2022 đến 9/2023	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	25/12/2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2 /BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
3	Hoàng Thị Nga		HVCH	X		6/2023 đến 9/2024	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	12/11/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phân biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Chăm sóc Hộ sinh thiết yếu cho thai kỳ bình thường	GT	NXB Đại học Quốc Gia TPHCM, 2023	4	X	trang 2-9, 16-40, 91- 122	QĐ số 1461/QĐ- ĐHYD ngày 14/7/2022
2	Chăm sóc sức khỏe sản phụ và trẻ sau sinh	GT	NXB Đại học Quốc Gia TPHCM, 2024	5	X	trang 21-25, 40-53	5679/QĐ-ĐHYD ngày 27/11/2023
3	Học thuyết điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe-Tập 1	CK	NXB y học, 2023	7	X	Trang 135- 156, 281- 299	Số 117/GCN- TĐHYKPNT ngày 18/1/2024
4	Cẩm nang Hộ sinh Oxford	TK	Nhà xuất bản Phụ nữ, 2023	8		trang 1-36, 69-102, 332- 368, 694- 725, 886- 953, 981- 1001.	Số 4422/GXN- ĐHYD ngày 31/12/2024
5	Chương sách: Midwifery in Vietnam trong cuốn "Medical professions international perspective midwife"	CSTK	Rzeszow University Publishing House, 2024	7		trang 222- 236	Số 4406/ GXN- ĐHYD ngày 31/12/2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Những yếu tố ảnh hưởng đến số lần đi khám thai trong thai kỳ của sản phụ tại Bệnh viện Từ Dũ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	CN	79/2013/HĐ-NCKH Đề tài NCKH cấp cơ sở	06/2012-9/2013	20133579/ GCN-NCKH ngày 21/5/2014 Xếp loại: Khá
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Rào cản khi nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ và các yếu tố liên quan	CN	128/2020/HĐ-ĐHYD Đề tài NCKH cấp cơ sở	9/2020-03/2022	202035125/ GCN-KHCN ngày 28/1/2022 Xếp loại: Xuất sắc
2	Hiệu quả của chườm ẩm tầng sinh môn trong giai đoạn 2 của chuyển dạ	CN	189/2021/HĐ-ĐHYD Đề tài NCKH cấp cơ sở	10/2021-10/2024	202135189/GCN-KHCN ngày 15/10/2024 Xếp loại: Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
	Bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế							
1	Factors predicting antenatal care utilization among postpartum women in Tu Du hospital, Ho Chi Minh City, Vietnam	3	X	Journal of Science, Technology, and Humanities			11(1), 49-54	2013
2	Breastfeeding experience of working mothers in Vietnam	2	X	Belitung Nursing Journal	Scopus	7	4(3), 279-286	2018
3	Shunting, optic nerve sheath fenestration and dural venous stenting for medically refractory idiopathic intracranial hypertension: systematic review and meta-analysis	13		Annals of Eye Science		12	3(6), 26-31	2018
	Bài báo khoa học trong nước							
4	Những yếu tố ảnh hưởng việc đi khám thai trong ba tháng đầu thai kỳ của thai phụ	5	X	Tạp chí Y học TPHCM			18(5), 84-89	2014
5	Commitment: A concept analysis in nursing field	2	X	MedPharmRes		1	2(4), 20-25	2018
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
	Bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế							
6	Barriers to exclusive breastfeeding: A cross-sectional study among mothers in Ho	3	X	Belitung Nursing Journal	Scopus	11	7(3), 171-178	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Chi Minh City, Vietnam							
7	Knowledge, Attitude, and Intention to Practice Pre-Marital Testing Among Midwifery Students in Vietnam	3	X	Philippine Journal of Nursing	Scopus		91(1),74-80	2021
8	Factors related to breast self – examination practice among midwifery student in Ho Chi Minh City, Vietnam	2	X	International Journal of Midwifery and Nursing practice		2	4(2), 102-106	2021
9	Factors predicting six-month exclusive breastfeeding among mothers in Ho Chi Minh City, Vietnam	4	X	Journal of Health Research	Scopus	20	36(2), 219-230	2022
10	Factors predicting menstrual irregularity among university students in Ho Chi Minh City, Vietnam: A cross-sectional study	2	X	Belitung Nursing Journal	IF=1.3, Scopus	1	10 (4),424-429	2024
11	The effectiveness of warm perineal compresses during second stage of labor on perineal trauma and labor pain: A systematic review	3	X	Journal of research development in nursing and midwifery	Scopus		21 (2), 16-21	2024
12	Stretch marks knowledge and attitudes among university students in Vietnam: a study with the Knowledge,	3	X	Journal of Holistic Nursing Science	Scopus		12(1), 120-131	2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Attitude, and Practice (KAP) model							
13	Fall prevention activities and associated factors among nurses in Vietnam's Mekong Delta	3	X	Frontiers of Nursing	Scopus		12(2), 237–244	2025
Bài báo khoa học trong nước								
14	Thái độ về các BPTT và bệnh lây truyền qua đường tình dục ở học sinh THPT tại huyện Tân Phú Đông tỉnh Tiền Giang và các yếu tố liên quan	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam			519 (số chuyên đề), 45-56	2022
15	Kiến thức và sự tự tin của điều dưỡng trong phòng ngừa té ngã cho người bệnh	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam			520 (số chuyên đề), 219-221	2022
16	Hoạt động tình nguyện của sinh viên Khoa Điều dưỡng-KTYH và các yếu tố liên quan	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam			521 (số chuyên đề), 117-129	2022
17	Những yếu tố ảnh hưởng đến căng thẳng của mẹ bệnh nhi tại khoa HSTC-Chống độc, Bệnh viện Nhi Đồng 1	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam			522 (số chuyên đề), 435-443	2022
18	Kiến thức ung thư cổ tử cung và thái độ tầm soát ung thư cổ tử cung ở phụ nữ tại Thành phố Hồ Chí Minh	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam			532 (số đặc biệt), 116-123	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
19	Kiến thức của nhân viên y tế về phương pháp chăm sóc Kangaroo tại một bệnh viện ở thành phố Hồ Chí Minh	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam			532 (số đặc biệt), 124-135	2023
20	Kiến thức về nhiễm trùng TORCH của sinh viên nữ Khoa Điều dưỡng-Kỹ thuật Y học, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam			532 (số đặc biệt), 328-334	2023
21	Động cơ học tập ở sinh viên Điều dưỡng tại trường Cao đẳng y tế Đắk Lắk	4		Tạp chí khoa học điều dưỡng			7(5), 34-41	2024
22	Tư duy phản biện của sinh viên điều dưỡng năm cuối và các yếu tố liên quan	3	X	Tạp chí y học TPHCM			28(2), 58-65	2025
23	Yếu tố cản trở khi tiêm vắc xin phòng ngừa ung thư cổ tử cung và các yếu tố liên quan ở sinh viên khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật Y học	3		Tạp chí y học TPHCM			28(3), 73-80	2025
24	Thực trạng nỗi sợ sinh con ở phụ nữ mang thai lần đầu	8	X	Tạp chí y học TPHCM			28(3), 124-130	2025
25	Kiến thức, thái độ về nuôi con bằng sữa mẹ của sinh viên nữ Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	2	X	Tạp chí y học TPHCM			28(5), 32-40	2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
26	Thực trạng đái tháo đường thai kỳ và các yếu tố liên quan	2	X	Tạp chí y học TPHCM			28(6), 59-68	2025
27	Các yếu tố liên quan đến nỗi sợ sinh con ở phụ nữ mang thai lần đầu	2	X	Tạp chí khoa học điều dưỡng			8(3), 64-70	2025
28	Nhận thức về E-portfolio ở sinh viên điều dưỡng và các yếu tố liên quan	3	X	Tạp chí y học TPHCM			28(6), 110-118	2025
29	Hiệu quả của việc sử dụng cốc hút đối với sự tự tin nuôi con bằng sữa mẹ ở sản phụ có núm vú tụt	2	X	Tạp chí y học TPHCM			28(7), 15-23	2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 07 bài có số thứ tự là 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13.

STT 6. **Nguyen, Nhan Thi**, Do, H. T., & Pham, N. T. V. (2021). Barriers to exclusive breastfeeding: A cross-sectional study among mothers in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Belitung nursing journal*, 7(3), 171–178. <https://doi.org/10.33546/bnj.1382>.

STT 7. Van Nguyen C, **Nguyen, Nhan Thi**, Nguyen TT. (2021). Knowledge, Attitude, and Intention to Practice Pre-Marital Testing Among Midwifery Students in Vietnam. *Philippine Journal of Nursing*, 91(1), 1-7.

STT 9. **Nguyen, Nhan Thi**, Prasopkittikun, T., Payakkaraung, S., & Vongsirimas, N. (2022). Factors predicting six-month exclusive breastfeeding among mothers in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Journal of Health Research*, 36(2), 219-230. <https://doi.org/10.1108/JHR-03-2020-0080>

STT 10. **Nguyen, Nhan Thi**, & Le, T. T. M. (2024). Factors predicting menstrual irregularity among university students in Ho Chi Minh City, Vietnam: A cross-sectional study. *Belitung Nursing Journal*, 10(4), 424-429. DOI: 10.33546/bnj.3303

STT 11. **Nguyen, Nhan Thi**, Lam, Q. M., & Do, H. T. (2024). The effectiveness of warm perineal compresses during the second stage of labor on perineal trauma and labor pain: A Systematic Review. *Journal of Research Development in Nursing and Midwifery*, 21(2), 16-21.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 STT 12. Dinh, A. T. M., . **Nguyen, Nhan Thi.**, & Nguyen, T. T. K. (2025). Stretch marks knowledge and attitudes among university students in Vietnam: a study with the Knowledge, Attitude, and Practice (KAP) model. *Journal of Holistic Nursing Science*, 12(1), 120-131. <https://doi.org/10.31603/jhns.v12i1.13291>

STT 13. **Nguyen, Nhan Thi**, Phan, T. H., & Hummel, F. I. (2025). Fall prevention activities and associated factors among nurses in Vietnam's Mekong Delta. *Frontiers of Nursing*, 12(2), 237-244. DOI: 10.2478/FON-2025-0025

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; ☐ 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Nhấn